

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
TP M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **396/2022/DS – ST**

Ngày: 13/09/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - TP M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Chi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Văn Rỹ**

Bà **Lại Thị Đắc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hứa Hồng Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Tp M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Tp M tham gia phiên tòa: Ông **Phan Xuân Hiền** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 8, Tp M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/20222/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 212/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: NH TM TT

Địa chỉ trụ sở chính: XXX-YYY N K Kh Ngh, Phường T, Quận A, Tp M

Người đại diện theo pháp luật: Bà N Đ Th D1- chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trường Th, sinh năm 1994, (Giấy ủy quyền số 346/2021/UQ-TTT ngày 27/4/2021) (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*),

Bị đơn: Bà Ph T Th D, sinh năm: 1986 (*vắng mặt*)

Thường trú: 595 H P, Phường C, Quận T, Tp M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là Ông Phạm Trường Th trình bày:

Ngày 08/08/2011 Bà Ph T Th D có ký với NH TM TT (gọi tắt là Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 10,000,000 VNĐ với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/ tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà Đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 40,302,141 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà Đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 41,094,300 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà Dvẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà Dvi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 26/03/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 8,037,243 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 13/09/2022, Bà Dcòn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm):

- Nợ gốc : 8,037,243 đồng
- Lãi quá hạn : 26,732,160 đồng
- Tổng cộng : 34,769,403 đồng

(Bằng chữ: Ba mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm lẻ ba đồng)

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 8,037,243 đồng với lãi suất quá hạn là 3.225%/ tháng ($2.15\% * 150\%$) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với Bà Dương, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên Bà Dvẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn Bà Ph T Th D như sau:

Buộc Bà Ph T Th D phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/09/2022 là 34,769,403 đồng (Ba mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm lẻ ba đồng) trong đó:

- Nợ gốc : 8,037,243 đồng
- Lãi quá hạn : 26,732,160 đồng

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 14/09/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho Bà Ph T Th D các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải theo qui định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng Bà Ph T Th D không đến làm việc và hòa giải nên không ghi được ý kiến của bà Dương. Ngày 22/7/2022, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là Bà Ph T Th D vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, đồng thời đại diện nguyên đơn là Ông Phạm Trường Th có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

*** Tại phiên tòa:**

Chủ tọa phiên tòa công bố: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 34.769.403 đồng (gồm nợ gốc là 8.037.243 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 26.732.160 đồng), tiền lãi còn tiếp tục tính từ sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là có cơ sở đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của NH TM TT, xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”.

Theo xác minh ngày 26/5/2021 của Công an Phường 1, Quận 5, Tp M thì từ thời gian 26/11/2015 Bà Ph T Th D đã chuyển hộ khẩu thường trú tại nhà số 595 H P, Phường C, Quận T, Tp M nên Tòa án nhân dân Quận 5 đã chuyển hồ sơ sang Tòa án nhân dân Quận 8 để thụ lý theo thẩm quyền. Theo kết quả xác minh ngày 07/01/2022 của Công an Phường 9, Quận 8 thì Bà Ph T Th D có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại 595 H P, Phường C, Quận T, Tp M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đại diện nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đã có đủ cơ sở xác định:

Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín và Bà Ph T Th D có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo (Bà Ph T Th D ký và Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín xác nhận ngày 08/8/2011). Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Bà Ph T Th D đã thực hiện các giao dịch thẻ với tổng số tiền là 40.302.141 đồng. Trong quá trình sử dụng Bà D đã thanh toán 41.094.300 đồng Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngày 26/03/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 8,037,243 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại) nhưng sau đó Bà D cũng không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín theo đúng thỏa thuận.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo, đồng thời căn cứ chi tiết giao dịch và thanh toán nợ thể hiện tại bản Tóm tắt sao kê ngày 13/9/2022 thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 13/9/2022 Bà Ph T Th D còn nợ Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền là 34.769.403 đồng (gồm nợ gốc là 8.037.243 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 26.732.160 đồng).

Xét thấy, Bà Ph T Th D đã sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín cấp để thanh toán tiêu dùng cá nhân với số tiền là 40.302.141 đồng nhưng không thanh toán hết số nợ và các khoản phí, lãi đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, gây thiệt hại cho Ngân hàng nên cần buộc Bà Ph T Th D có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ còn thiếu tổng cộng là 34.769.403 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Số tiền lãi vay và các tiền phí đã được nguyên đơn tính đúng theo thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên yêu cầu của nguyên đơn về tiền nợ tính đến ngày xét xử và toàn bộ tiền lãi phát sinh tiếp tục tính

đến khi thanh toán xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng, chứng tỏ bị đơn đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Bà Ph T Th D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín) là 1.738.470 đồng. Trả lại cho Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tại phiên tòa là phù hợp với phân nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm đ Khoản 4 Điều 189, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NH TM TT.

1.1. Bà Ph T Th D có nghĩa vụ thanh toán cho NH TM TT số tiền nợ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Bà Ph T Th D và NH TM TT (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng do Bà Dký và NH TM TT xác nhận ngày 08/8/2011 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo) số tiền là 34.769.403 đồng (ba mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm lẻ ba đồng) (gồm nợ gốc là 8.037.243 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 26.732.160 đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền

nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 1.738.470 đồng (một triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi đồng) do Bà Ph T Th D chịu. Hoàn lại cho NH TM TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 752.163 đồng (bảy trăm năm mươi hai nghìn, một trăm sáu mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0036502 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Tp M.

3. Về quyền kháng cáo: NH TM TT, Bà Ph T Th D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM.HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÕU SÔ THAẢM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nội nhận:

- TANDTP-VKSNDTP;
- VKSND Quaãn 8;
- Chi cùic THA Dân sỡi Q8;
- Càuc ñỡông sỡi;
- Lờu hoà sô - VP.

Nguyễn Thị Thanh Chi

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự,

**TM.
HỘI
ĐỒNG
XÉT
XỬ SƠ
THẨM
THẨM
PHÁN
CHỦ
TỌA
PHIÊN
TÒA**

- Lưu VP, hồ sơ.

N
T